TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 138/2021/DS-ST
Ngày: 18-9-2021
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Dương Nhựt.
- Bà Phan Thị Lưu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thưởng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2021, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Q, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: số 35 Hàng Vôi, quận H, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Hồ Đ, chức vụ: Phó Trưởng quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh HA. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: khối phố 8, phường A, thành phố T, tỉnh Q.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 6 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26 tháng 6 năm 2014 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển

nhà Đ – chi nhánh Q (Nay là Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh HA) có ký hợp đồng tín dụng số N.I0057.14/HĐTD, theo đó Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – chi nhánh HA cho bà H vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 06 tháng và thỏa thuận trả nợ gốc hàng tuần, trả lãi hàng ngày. Trong quá trình vay vốn bà H đã trả được 28.289.915 đồng nợ gốc. Số nợ gốc còn lại là 21.710.085 đồng và nợ lãi phát sinh mặc dù đã quá hạn thanh toán, đại diện ngân hàng cũng đã liên hệ làm việc nhiều lần nhưng không liên hệ được với bà H vì bà H đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn.

Nay Ngân hàng cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 17-9-2021 là 55.541.762đồng, trong đó nợ gốc là 21.710.085 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 17-9-2021 là 33.831.677đồng, lãi suất tiếp theo theo hợp đồng vay cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn bà Phạm Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không có lời trình bày tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn là đúng pháp luật, đối với bị đơn là không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có đơn khởi kiện đối với bà Phạm Thị H, địa chỉ tại: khối phố 8, phường A, thành phố T, tỉnh Q, lý do khởi kiện là bị đơn không trả khoản nợ đã vay của nguyên đơn. Vì vậy việc khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Bà Phạm Thị H là bị đơn, có hộ khẩu thường trú tại khối phố 8, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Đây cũng là địa chỉ của bà H được ghi trong hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ và bà H. Tuy nhiên, trong quá trình vay vốn chưa trả xong khoản nợ đã vay của nguyên đơn, bà H đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho người khởi kiện theo quy định tại Điều 40 của Bộ luật dân sự, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015, trường hợp này bà H được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa bà H vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng số N.I0057.14/HĐTD được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – chi nhánh HA và bà Phạm Thị H thì thấy rằng: Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc hoặc lừa dối, tại hợp đồng tín dụng số N.I0057.14/HĐTD ngày 26 tháng 6 năm 2014 có thể hiện rõ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – chi nhánh HA cho bà Phạm Thị H vay số tiền gốc 50.000.000đồng, lãi suất 16,2%/năm, mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 06 tháng và thỏa thuận trả góp lãi hàng ngày, trả gốc hàng tuần, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 26/12/2014, do vậy hợp đồng có hiệu lực. Trong quá trình vay vốn bà Phạm Thị H đã trả được 28.289.915 đồng nợ gốc, còn 21.710.085 đồng nợ gốc và lãi phát sinh.

Hợp đồng đến nay đã quá hạn, đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nhiều lần liên hệ làm việc trực tiếp đôn đốc thanh toán nhưng không liên lạc được với bà H, hơn nữa bà H cũng không chủ động thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên là đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa hai bên và vi phạm quy định tại Điều 401, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện bà H yêu cầu trả khoản nợ gốc còn lại là 21.710.085 đồng và lãi tính đến hết ngày 17-9-2021 là 33.831.677đồng và lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 192, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 40, 385, 401, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" với bị đơn bà Phạm Thị H

Buộc bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 55.541.762đồng *(Năm mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng)*, trong đó nợ gốc là 21.710.085 đồng *(Hai mươi mốt triệu bảy trăm mười nghìn không trăm tám mươi lăm đồng)* và nợ lãi tính đến hết ngày 17-9-2021 là 33.831.677đồng *(Ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn sáu trăm bảy mươi bảy đồng).*

Tiền lãi tiếp tục tính kể từ ngày 18-9-2021 cho đến khi bà Phạm Thị H trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số N.I0057.14/HĐTD ngày 16 tháng 6 năm 2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị H phải nộp số tiền 2.777.000 đồng *(Hai triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).*

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 1.411.000 đồng *(Một triệu bốn trăm mười một nghìn đồng)* theo biên lai thu số 00001237 ngày 02-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Tp T;*
- *Chi cục THADS Tp T;*
- *Tòa án tỉnh, VKSND tỉnh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đinh Thị Huỳnh Lý